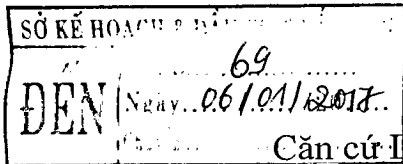


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN
Số: **2224** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bắc Kạn, ngày **30** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc Thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 200/TTr-KH&ĐT ngày 29/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

Hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, ứng phó với biến đổi khí hậu; ổn định và nâng cao đời sống người dân vùng dự án; bố trí dân cư gắn liền với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt ở các vùng rừng đầu nguồn, Vườn Quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, huyện Na Rì và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Mục tiêu cụ thể:

Hoàn thành bố trí ổn định dân cư ở các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2025 bố trí ổn định

lưu cư cho 2.609 hộ dân. Trong đó, giai đoạn 2015 - 2020 tổ chức bố trí ổn định cho 1.088 hộ dân; định hướng giai đoạn 2020 - 2025 tổ chức bố trí ổn định cho 1.521 hộ dân.

Hình thành các cụm dân cư mới với kết cấu hạ tầng được hoàn thiện hơn và đáp ứng các phúc lợi công cộng, bố trí vùng sản xuất hợp lý theo quy hoạch và phù hợp với xây dựng nông thôn mới.

Đến năm 2025, xây dựng chỉnh sửa cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng quy hoạch. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển các dịch vụ trên cơ sở khai thác lợi thế địa lý, tiềm năng về đất đai, sông hồ, tài nguyên phục vụ sản xuất hàng hoá.

Nâng cao đời sống sau bố trí, ổn định lại dân cư. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dự án bố trí dân cư dưới 10%/ năm; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%; sử dụng điện đạt 95 - 100%; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 80%.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy hoạch bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, vùng di cư tự do và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, lốc xoáy;

Hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, ngập lũ, lốc xoáy;

Hộ gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường và tác động phóng xạ;

Hộ gia đình di cư tự do không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;

Hộ gia đình sinh sống ở khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài;

Cộng đồng dân cư tiếp nhận hộ tái định cư tập trung, xen ghép.

3. Phương án Quy hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Tổng số Dự án quy hoạch là 79; tổng số hộ dân thuộc diện quy hoạch 2.609.

(Có các danh mục dự án kèm theo)

b) Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng tái định cư:

San gạt mặt bằng: San gạt mặt bằng cho các dự án bố trí dân cư tập trung, diện tích 280.100 m², tổng vốn là 40 tỷ đồng.

Đầu tư nâng cấp đường giao thông 17,8 km, tổng vốn là 35,6 tỷ đồng.

Đầu tư làm mới đường giao thông 48,1 km, tổng vốn đầu tư là 144,3 tỷ đồng.

Xây dựng công trình kè chống sạt lở, tổng vốn đầu tư là 5 tỷ đồng.

Thủy lợi: Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, đắp hồ đập, kênh mương với tổng vốn đầu tư 35,4 tỷ đồng.

Nước sinh hoạt: Đầu tư hệ thống nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.387 hộ dân, tổng vốn đầu tư là: 56,7 tỷ đồng.

Nhà Văn hóa: Đầu tư 28 công trình nhà văn hóa, tổng vốn đầu tư là 14 tỷ đồng.

Xây dựng lớp học: Đầu tư lớp học, nhà công vụ giáo viên, tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng.

Đầu tư 47,2 km đường dây điện hạ thế 0,4 KV, tổng vốn đầu tư 30,4 tỷ đồng.

Đầu tư 29 trạm biến áp 50 KVA, tổng vốn đầu tư 18 tỷ đồng.

Đầu tư 7 trạm biến áp 75 KVA, tổng vốn đầu tư 4,9 tỷ đồng.

c) Quy hoạch phát triển sản xuất:

Hỗ trợ khai hoang và tạo nương cố định 290 ha, tổng vốn hỗ trợ là 3,3 tỷ đồng với 100% vốn ngân sách Trung ương.

Hỗ trợ trực tiếp mua phân bón, giống cây, dụng cụ sản xuất cho 778 hộ, tổng vốn hỗ trợ 5,4 tỷ đồng với 100% vốn Trung ương.

Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí ổn định đến vùng dự án bố trí dân cư để ổn định đời sống. Hỗ trợ cho 979 lao động, tổng mức hỗ trợ 2 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất là 10,7 tỷ đồng với 100% vốn Sự nghiệp kinh tế Trung ương hỗ trợ.

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Dự án bố trí ổn định dân cư khẩn cấp thôn Nà Tu, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tổng mức đầu tư là 37.709 triệu đồng, số hộ dân 59, thời gian thực hiện năm 2016.

b) Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện Na Rì, tổng mức đầu tư là 36.521 triệu đồng, số hộ dân 86, thời gian thực hiện năm 2016.

c) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá lẫn thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tổng mức đầu tư là 10.940,99 triệu đồng, số hộ dân 21, thời gian thực hiện năm 2016.

d) Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai khẩn cấp khu dân cư Nà Cáy, thôn Thôm Mò, xã Quân Bình, huyện Bạch Thông, tổng mức đầu tư là 9.504,34 triệu đồng, số hộ dân 24, thời gian thực hiện năm 2016.

đ) Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai khu Cốc Rằm, thôn Khuổi Vạc, xã Vũ Loan, huyện Na Rì, tổng mức đầu tư là 30.977 triệu đồng, số hộ dân 75, thời gian thực hiện năm 2016.

e) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai vùng đặc biệt khó khăn khu Khuổi Slua, thôn Bản Nà, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm, tổng mức đầu tư là 10.366,36 triệu đồng, số hộ dân 20, thời gian thực hiện năm 2017.

f) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu tại thôn Khen Đin, thôn Bản Nghè, xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tổng mức đầu tư là 29.056,80 triệu đồng, số hộ dân 40, thời gian thực hiện năm 2017.

g) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tổng mức đầu tư là 16.664,02 triệu đồng, số hộ dân 32, thời gian thực hiện năm 2017.

h) Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Lung Lâu, thôn Nặm Tộc, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tổng mức đầu tư là 17.338,72 triệu đồng, số hộ dân 71, thời gian thực hiện năm 2017.

i) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Cháo - Nà Tấu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tổng mức đầu tư là 16.249,81 triệu đồng, số hộ dân 30, thời gian thực hiện năm 2017.

k) Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Thái Lạo, Bản Cháo, xã Yên Cư, huyện Chợ Mới, tổng mức đầu tư là 45.550 triệu đồng, số hộ dân 90, thời gian thực hiện năm 2017.

n) Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Sláo, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tổng mức đầu tư là 7.900,96 triệu đồng, số hộ dân 31, thời gian thực hiện năm 2017.

5. Giải pháp thực hiện

a) Cơ chế chính sách: Chính sách đất đai; chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; chính sách hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép; các chính sách khác thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

b) Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn khái toán là 609,2 tỷ đồng. Trong đó: Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương là 572,5 tỷ đồng chiếm 94%; vốn địa phương lồng ghép 36,7 tỷ đồng chiếm 6%.

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Nguồn vốn ngân sách địa phương, vốn lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện công tác khuyến nông - lâm - ngư, đào tạo cán bộ, phát triển nguồn lực, đào tạo nghề. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu:

quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong vùng quy hoạch bố trí dân cư.

Phân kỳ nguồn vốn đầu tư quy hoạch: Giai đoạn 2015 - 2020 là 371,4 tỷ đồng và giai đoạn 2020 - 2025 là 237,8 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng nội dung quy hoạch được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các Sở, ban, ngành chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Chi cục Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về các lĩnh vực chuyên môn do ngành mình phụ trách để thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục PTNT, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (T/hiện);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



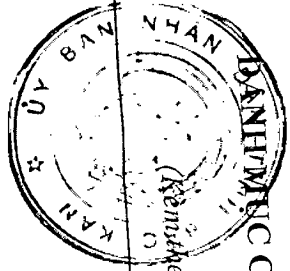
Đỗ Thị Minh Hoa



BAN HƯỚNG DẪN CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH BỐ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ TỈNH BẮC KẠN

GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

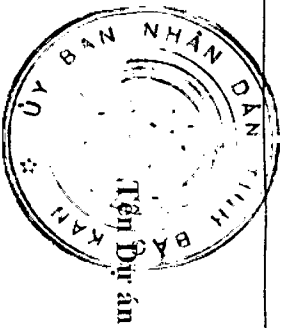
(Kèm theo Quyết định số **2224/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh)



Phân theo giai đoạn

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)				Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ồm định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ồm định tại chỗ
TOÀN TỈNH									
		2.609	79	538	229	321	174	823	524
1	DỰ ÁN BỐ TRÍ TẬP TRUNG	712	20	538			174		
1	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư khẩn cấp thôn Nà Tu, xã Cầm Giàng, huyện bạch Thông	59		59					
2	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai các vùng đặc biệt khó khăn khu Nà Mò, thôn Bàn Mạn, xã Bằng Thành, huyện Pác Năm	24		24					
3	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá lan thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	21		21					
4	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai tại thôn Nà Bậy, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	15		15					
5	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Chảo - Nà Tấu, xã Công Bằng, huyện Pác Năm	30		30					
6	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Khuổi Slua, thôn Bàn Nà, xã Nghiến Loan, huyện Pác năm	20		20					
7	Dự án bố trí ồm định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Cốc Lùng, thôn Bàn Đình, xã Nghiên Loan, huyện Pác Năm	20		20					

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn			
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	
				Bố trí tập trung (TDC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TDC)
18	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Tà Lạn, thôn Nà Diệc, xã Lạng San, huyện Nà Ri	50			50		
19	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn thôn Cốc Phạ, xã Ân Tĩnh, huyện Nà Ri	35			35		
20	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn khu Cốc Cướm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	30			30		
II	DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ	826	23			321	505
1	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai khẩn cấp khu Nà Cáy, thôn Thôm Mò, xã Quân Bình, huyện Bạch Thông	23				23	
2	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn Lũng Lâu, Nặm Tóc, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	71				71	
3	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn Nam Đội Thân, Tân Thành, Nà Bàn, Khuổi Trang, Nà Kẹ, Nà Choong, Nà Diểu, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	26				26	
4	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn, tổ thuộc phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	33				33	
5	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Bó Mòn, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	16				16	
6	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Càng Cào, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	31				31	



STT		Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn							
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)				Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)			
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ		
17	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai thôn Năm Bó, xã Yên Định, huyện Chợ Mới	10								10	
18	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Mỏ Khang, Xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	13								13	
19	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Cốc Pái, xã Địa Linh, huyện Ba Bể	21								21	
20	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tôm Làn, xã Bạch Trạch, huyện Ba Bể	39								39	
21	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Chá, Phiêng Toản, Bàn Piêng, Kéo Pút, Dài Khao, xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	68								68	
22	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng di cư tự do thôn Khuổi Dầy, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	62								62	
23	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Phiêng Đén, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	31								31	
III	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ XEN GHÉP	1.071	36		229				823	19	
1	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Pác Năm, Khuổi Khí, xã Bàng Thành, huyện Pác Năm	26			26						
2	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Nà Pùng, Phia Bay, Bản Sáng, xã Cổ Lình, huyện Pác Năm	22			22						

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn			
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép
13	Sắp xếp xen ghép dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Nghiêu Loan, huyện Pác Năm	196			196		
14	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn các thôn Khuổi Ô, Phai Khim, Nà Bè, Vy Lạp, Phiêng Tạc, Ngâm Vàng, Nặm Khiếu, Slam Vè, xã Nhạn Môn huyện Pác Năm	58			58		
15	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Bản, Khấp Khính, Cốc Nọt, xã Công Bằng, huyện Pác Năm	8			8		
16	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Puốc, Bản Nhâm, Nà Quạng, Chè Pang, Nà Lài, Ta Đào xã Cao Tân, huyện Pác Năm	59			59		
17	Bố trí xen ghép dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Coong, Khuổi Khi, Khuổi Bốc xã Xuân La, huyện Pác Năm	12			12		
18	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Cường Lợi, huyện Na Ri	7			1		6
19	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Lam Sơn, huyện Na Ri	9			9		
20	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Pò Rản, Pò Lái, Pò Cẩu, Nà Cầm, xã Văn Học, huyện Na Ri	7			1		6
21	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Sác Sái, Khuổi Quán, xã Cư Lễ huyện Na Ri	6			3		3



Đư ản

STT		Số hộ	Tổng số Đư ản	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)			Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bổ trí tập trung (TĐC)	Bổ trí xen ghép	Bổ trí ổn định tại chỗ	Bổ trí tập trung (TĐC)	Bổ trí xen ghép	Bổ trí ổn định tại chỗ
32	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Khuổi Sáng, Bản Hòn, Pắc Châm, Lũng Diếc, Bản Lấp, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	6						6	
33	Bổ trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Ngoc Phái, huyện Chợ Đồn	20						20	
34	Bổ trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Gà, Nà Huống, Bản Bậy, Nà Môn, Pắc Cộp, xã Yên Thượng, huyện Chợ Đồn	18						18	
35	Bổ trí dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn thôn Vàng Doọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	23						23	
36	Bổ trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Đại Sào, huyện Chợ Đồn	11						11	

